TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 31-7-2019.
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Như Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Cao Hoài Hiêm;
Ông Lê Văn Đức.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Hữu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Thướng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 326/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị N, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện Tr, tỉnh TN - Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Trường G, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện Tr, tỉnh TN - Vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị N trình bày: Chị và anh G tự chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 14-01-2016 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Tr. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống với cha mẹ anh G tại ấp L, xã P, huyện Tr. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8-2018 thì xảy ra mâu thuẫn do mẹ chồng khó khăn, thường dùng lời lẽ không hay nói về chị với chồng và những người xung quanh, bên cạnh đó anh G mỗi khi có rượu về nhà kiếm chuyện chửi chị, dùng lời lẽ xúc phạm chị nên chị bỏ về nhà mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh G.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Thị Kiều D, sinh ngày 05-11-2016. Hiện cháu D đang sống cùng chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Huỳnh Trường G trình bày: Thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh và chị N ly thân nhau từ tháng 10-2018 đến nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì cả, trong cuộc sống vợ chồng chị N thường xuyên bỏ nhà đi ra ngoài ở. Nay chị N xin ly hôn vì chị không muốn sống với anh nữa.

Nguyện vọng: Anh đồng ý ly hôn. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao con cho vợ nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vắng mặt không có lý do chính đáng mặt dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, gây khó khăn, kéo dài việc giải quyết vụ án.

2. Việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh G.
- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Kiều D, sinh ngày 05-11-2016 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh G đến lần thứ hai nhưng anh G vẫn cố tình vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh G là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh G tự nguyện kết hôn với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 08 năm 2018

phát sinh mâu thuẫn do chị N cho rằng anh G và mẹ anh nhiều lần có những lời lẽ xúc phạm chị và gia đình chị, dẫn đến mâu thuẫn nên chị không thể chung sống với anh G được nữa, chị bỏ về nhà mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh G. Qua làm việc với anh G, anh cũng đồng ý ly hôn với chị N. Do đo, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị N và anh G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và cả hai cùng có nguyện vọng được ly hôn. Nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh G theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Huỳnh Thị Kiều D, sinh ngày 05-11-2016. Hiện cháu D đang sống cùng chị N, sau khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con và anh G cũng đồng ý giao chị N nuôi cháu D. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu D là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Võ Thị N đối với anh Huỳnh Trường G. Cho ly hôn giữa chị Võ Thị N và anh Huỳnh Trường G.

2. Về con chung:

- Giao con chung: Cháu Huỳnh Thị Kiều D, sinh ngày 05-11-2016 cho chị N có quyền, nghĩa vụ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục;
- Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.
- Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị N đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017147 ngày 13-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. (chị N đã nộp đủ án phí)

5. Quyền kháng cáo: Chị N được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã Phước Chỉ;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Như Thủy